

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2024
V/v: “Ly hôn, trả chấp về nuôi con”

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THA HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Hùng
- Bà Hà Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh ThA Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh ThA Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 về: “Ly hôn, trả chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Th, sinh năm: 1982

Trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: A Bùi Văn A, sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn C, xã Tr, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Th trình bày: Chị và anh A tự do tìm hiểu trong khoảng thời gian ngắn, tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 28/11/2012 tại UBND xã Tr, huyện B, Thanh Hóa. Hôn nhân diễn ra bình thường, từ năm 2014 bắt đầu có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên tình cảm rạn nứt, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị không còn tình cảm với anh A nên có nguyện vọng được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Duy Kh, sinh ngày 04/9/2012 hiện nay cháu đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

A Bùi Văn A tại đơn trình bày và xin giải quyết xét xử vắng mặt ngày 12/8/2024 trình bày: anh đã được anh trai Bùi Văn H thông báo về việc Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Th. Xét thấy vợ chồng ly thân đã 10 năm nay, không ai quan tâm đến ai, ai cũng đã có cuộc sống riêng vì vậy A đồng ý ly hôn, đồng ý giao cháu Bùi Duy Kh, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Th nuôi dưỡng, A không cấp dưỡng tiền nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Do anh đi làm chỉ về nhà vào dịp cuối tuần nên không đến Tòa án làm việc được. anh xin được giải quyết và xét xử vắng mặt.

anh Bùi Văn A, chị Trương Thị Th đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và A A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Th, xử cho chị Trương Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn A.

Về con chung: Giao cháu Bùi Duy Kh, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Trương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, anh Bùi Văn A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. anh Bùi Văn A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Chị Th, anh A không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Bùi Văn A có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn trình bày và xin giải quyết xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, trA chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Th, anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr ngày 28/11/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân đã 10 năm nay, quá trình ly thân không ai còn quan tâm đến ai, việc này đã được anh trai của anh A là anh Bùi Văn H xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cùng đồng ý ly hôn. Xét nguyện vọng của anh chị là chính đáng, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Th được ly hôn anh A.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Duy Kh, sinh ngày 04/9/2012, hiện nay cháu Kh đang do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ly hôn chị Th có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng, cháu Kh cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, A A đồng ý với ý kiến của chị Th về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng. Vì vậy ly hôn giao cháu Bùi Duy Kh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của các bên đương sự và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Th, anh A không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Th chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Th được ly hôn A Bùi Văn A.

Về con chung: Giao cháu Bùi Duy Kh, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. A Bùi Văn A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Th, Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện B theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 số 0005884 ngày 09/8/2024. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Tr;
- TAND tỉnh ThA Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Văn Dũng

Nguyễn Thị Huyền

Vũ Văn Nga